TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2025
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Khuyến;

2. Bà Trần Thị Tím.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh ngày 09/6/1990. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp B, xã H, tỉnh V. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn D sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp B, xã H, tỉnh V. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Vào năm 2014, chị và anh Đoàn Văn D xác lập quan hệ hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H nay là xã H, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng

chị thường xuyên xảy ra cự cải về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn D.

- Về nuôi con tên: Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019, hiện tại chị đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

- **V**ề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, bị đơn anh Đoàn *Văn D vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.*

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Đoàn Văn D. Về con chung tên : Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019, hiện tại chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với chị T. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn anh Đoàn Văn D vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Đoàn Văn D, địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2014, chị T và anh Đoàn Văn D xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại xã H nay là xã H. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do thường xuyên xảy ra cự cải về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Đoàn Văn D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Đoàn Văn D đều vắng mặt không lý do tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do không hợp nhau về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị Lê Thị Kim T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kim T. Về con chung tên Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh D, chị cương quyết xin ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, anh D đồng ý ly hôn với chị T. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim T, về hôn nhân xử cho chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Đoàn Văn D.

[4] Về nuôi con: *Thời* gian chung sống, chị T và anh D có hai con chung tên Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, thời gian chị T và anh D sống ly thân, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, đảm bảo sự phát triển của con và cháu T1 có nguyện vọng sống chung với chị T. Quá trình giải quyết, anh D đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị T và anh D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát ***tại*** phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH**:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Đoàn Văn D.

- Về nuôi con: Chị Lê Thị Kim T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đoàn Lê Huỳnh T1, sinh ngày 16/10/2013 và Đoàn Lê Quốc S, sinh ngày 29/01/2019 khi ly hôn.

Anh Đoàn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị T và anh D không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011767, ngày 30 tháng 5 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) thu. Chị Lê Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà